

Bản án số: 20/2021/HNGĐ- ST

Ngày 07 /9 /2021

“ V/v: Không công nhận là vợ chồng ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: Vũ Văn Hoàn
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Dương Thị C**, sinh năm 1980;
HKTT: Xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
Nơi ở hiện nay: Xóm 6, xã SC, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên
(*Có mặt tại phiên tòa*)

2. Bị đơn: **Anh Lê Thế H**, sinh năm 1969;
HKTT trú tại: Xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(*Có mặt tại phiên tòa lần đầu sau đó bỏ về, Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/4/2021, bản tự khai ngày 06/5/2021 và lời khai tại phiên tòa, Nguyên đơn - chị Dương Thị C trình bày:

Chị và anh Lê Thế H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, khi đó chị chưa đủ tuổi kết hôn đến khi chị đủ tuổi kết hôn, chị và anh H cũng không ra UBND xã ML, huyện Đ để làm thủ tục đăng ký kết hôn, lý do chị không hiểu biết pháp luật.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị C, sinh ngày 03/6/1996; Lê Thị Kim L, sinh ngày 06/8/1999.

Về tài sản chung: Chị và anh H có nhà và đất tại xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên hiện nhà và đất anh H đang quản lý và sử dụng.

Nợ chung: Không có.

Lý do chị xin ly hôn anh H do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh H mắc vào tệ nạn xã hội, sử dụng ma túy thường xuyên rượu chè nên vợ luôn chồng xảy ra cãi nhau. Từ năm 2013 do anh H mắc nghiện ma túy thường xuyên xin tiền chị để mua ma túy sử dụng, chị không chu cấp cho anh H để mua ma túy sử dụng nên thường xuyên bị anh H hành hung, đe dọa uy hiếp đến tính mạng sức khỏe. Năm 2020 anh H vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi thi hành án tại trại giam Phú Sơn 4, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị không thể quay lại chung sống với anh H, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 03/6/1996; Lê Thị Kim L, sinh ngày 06/8/1999 cả hai con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện ban đầu chị có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung sau đó tại đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai ghi ngày 06/5/2021 chị rút yêu cầu chia tài sản chung, chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Lê Thế H khai anh không biết viết, chỉ biết điểm chỉ và viết nguệch ngoạc được họ và tên của mình, anh đề nghị Tòa án lấy lời khai của anh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2021, bị đơn anh Lê Thế H khai anh chung sống với chị C từ năm 1996 đến nay không đăng ký kết hôn; anh và chị C có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 03/6/1996; Lê Thị Kim L, sinh ngày 06/8/1999 cả hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh và chị C có nhà và đất tại xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên hiện nhà và đất anh H đang ở và quản lý và sử dụng; Nợ chung: Không có.

Lý do chị C có đơn gửi tòa án ly hôn anh do năm 2020 anh bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi thi hành án tại trại giam Phú Sơn 4, từ đó tình cảm vợ chồng anh chị xa cách, nảy sinh mâu thuẫn. Anh đi chấp hành án, chị C không một lời thăm hỏi và quan tâm đến anh. Tháng 4 năm 2021 anh chấp hành xong án phạt tù, khi anh về

nhà thì chị C đã chuyển đi từ lúc nào anh không rõ, anh gọi điện thì chị C nói rằng chị sẽ không bao giờ về nhà nữa, anh cố níu kéo, đi tìm chị về nhưng chị C không trở về để hàn gắn tình cảm. Hiện tại vợ chồng anh đã ly thân gần 2 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị C, mâu thuẫn giữa anh và chị C chưa đến mức trầm trọng vẫn còn hàn gắn được nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị C kiên quyết ly hôn thì anh cũng phải chấp nhận, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 02/7/2021 tại UBND xã ML về việc anh Lê Thế H và chị Dương Thị C có đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật hay không, ông Lâm Văn Phú – cán bộ tư pháp xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cung cấp thông tin: Tại sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã ML từ năm 1993 đến năm 1996 không có tên chị Dương Thị C sinh năm 1980 và anh Lê Thế H, sinh năm 1969 có hộ khẩu thường trú tại xóm CP, xã ML, huyện Đ trong sổ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của xã.

Tại biên bản xác minh của Tòa án với Công an xã ML về hộ khẩu thường trú và thông tin về anh Lê Thế H, ông Ngô Sỹ T – Cán bộ Công an xã ML, huyện Đ cung cấp thông tin: Anh Lê Thế H, sinh năm 1969 có địa chỉ xóm CP, xã ML, huyện Đ vừa đi chấp hành án theo bản án hình sự sơ thẩm số 171/2020/HS-ST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên và quyết định thi hành án 181/2020/QĐ-THA ngày 24/6/2020. Bị án Lê Thế H đi chấp hành án 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và trở về địa phương ngày 11/4/2020. Hiện nay anh H sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 18/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Đ mở phiên tòa lần đầu, anh H có mặt sau đó anh bỏ về. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: - Điều: 21, 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi

hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị C và anh Lê Thế H là vợ chồng. Về con chung: Đã trưởng thành, không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị C phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn có địa chỉ thường trú tại xóm CP, xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, anh H vắng mặt không có lý do, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. HĐXX căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

***Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C và anh Lê Thế H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật

Đối chiếu các quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình thấy rằng Chị Dương Thị C và anh Lê Thế H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 khi chị Dương Thị C mới 16 tuổi lúc đó chưa đủ tuổi kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân gia đình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đồng thời khi chung sống với nhau đã đủ tuổi kết hôn nhưng các bên không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn quy định: ***“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”***

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Giải quyết hậu quả của việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn như sau: ***“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống***

với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Căn cứ lời khai của chị C và anh H, căn cứ biên bản xác minh của Tòa án tại UBND xã ML và Công an xã ML, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác định Chị Dương Thị C và anh Lê Thế H thuộc trường hợp nam nữ sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do chị Dương Thị C và anh Lê Thế H vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc trường hợp không được hòa giải. Tòa án chỉ hòa giải về Con chung nhưng con chung đều đã trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những căn cứ trên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 5; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 .

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Không công nhận chị Dương Thị C và anh Lê Thế H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 03/6/1996; Lê Thị Kim L, sinh ngày 06/8/1999. Cả hai con đều đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự và không bị mất khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H đề nghị tự thỏa thuận tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không giải quyết phần tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 206; Điều 227, 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 .

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị C và anh Lê Thế H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị C và anh H có 02 con chung là Lê Thị A, sinh ngày 03/6/1996; Lê Thị Kim L, sinh ngày 06/8/1999 đều đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết phần tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Dương Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005123 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Anh Lê Thế H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã ML , huyện Đ;
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận HNGĐ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái

